



**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

QUY TẮC XUẤT XỨ VÀ THỦ TỤC CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ TRONG CPTPP

Đà Nẵng, 11-2019





**CÁC FTA VIỆT NAM
THAM GIA**

Đã phê chuẩn
Đang thực thi
12 FTA



- ATIGA
- ASEAN-China
- ASEAN-Japan
- ASEAN-Korea
- ASEAN-Australia-New Zealand
- ASEAN - India

- Viet Nam - Japan
- Viet Nam - Chile
- Viet Nam - Korea
- Viet Nam -Eurasian Economic Union
- CPTPP
- ASEAN- HongKong
- Viet Nam – EU EVFTA

Đang
đàm
phán

RCEP

Kết thúc đàm phán
Ấn độ rút khỏi RCEP

VN-IL

VN-EFTA

Chưa phê chuẩn
Chưa có hiệu lực



CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ C/O

Ưu đãi

Không ưu đãi

Ưu đãi

Ưu đãi
đặc biệt

Form B

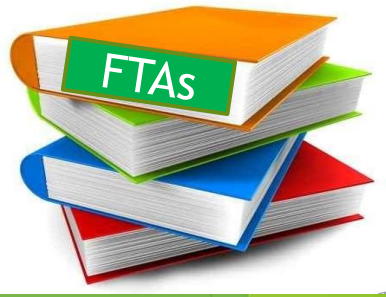
Đơn phương
GSP: Form A



FTAs

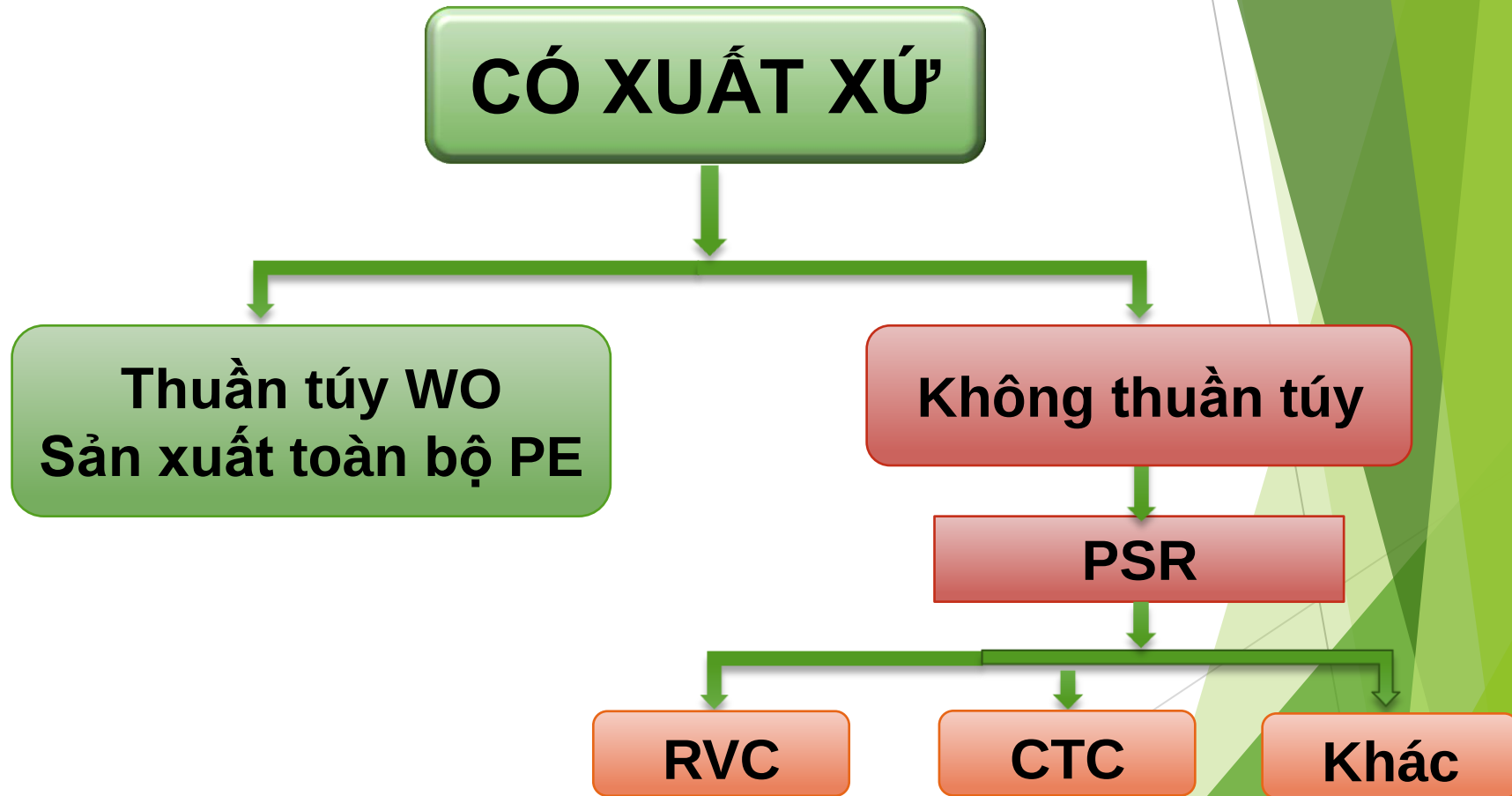
Song phương
VJ, VK, VC,

Đa phương
D, ASEAN +,
EAV, CPTPP





QUY TẮC XUẤT XỨ





Thông tư 03/2019/TT-BCT

có hiệu lực 08/03/2019

- ▶ **5 Chương, 33 Điều và 9 Phụ lục**
 - ▶ Phụ lục I: PSR
 - ▶ Phụ lục II: Điều khoản liên quan đến PSR cho xe và các bộ phận, phụ kiện
 - ▶ Phụ lục III: *De minimis*
 - ▶ Phụ lục IV, V, VI: Mẫu C/O CPTPP, TK bổ sung, hướng dẫn kê khai
 - ▶ Phụ lục VII: PSR đối với hàng dệt may
 - ▶ Phụ lục VIII: Danh mục nguồn cung thiếu hụt
 - ▶ Phụ lục IX: Danh sách tổ chức cấp C/O



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

- Trị giá giao dịch
- Trị giá của hàng hóa
- Chi phí nguyên liệu không có xuất xứ
- Công thức tính RVC trực tiếp
- Công thức tính RVC gián tiếp
- Công thức tính giá trị tập trung
- Công thức tính chi phí tịnh



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

- **Cộng gộp:**
 - + Cộng gộp toàn phần
 - + Cộng gộp công đoạn sản xuất
- **Quy tắc xuất xứ hàng tái chế tạo , hàng tân trang**
- **Bộ hàng hóa**
- **Quy định riêng cho hàng dệt may**
- **Quy định riêng cho xe và linh kiện, bộ phận:**
 - + Nguyên liệu đặc trưng
 - + Chi phí tịnh áp dụng cho ô tô và linh kiện



XUẤT XỨ THUẦN TÚY (WO)

#	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
1	Cây trồng/ SP cây trồng	Trồng / thu hoạch	Lãnh thổ của một bên	
2	Động vật sống	Sinh ra/ nuôi dưỡng		
3	Sản phẩm	Thu được từ (2)		
4	Sản phẩm	Có được		Săn, bẫy, bắt, nuôi, v.v
5	Nuôi trồng thủy sản			
6	Khoáng sản /Chất sản sinh tự nhiên	Chiết xuất / lấy ra	Vùng đất/lãnh hải / (dưới) đáy biển	Trừ (1)-(5)
7	Sản phẩm	Khai thác	Ngoài vùng lãnh hải	Công ước LHQ Luật biển ⁸ 1982



XUẤT XỨ THUẦN TÚY (WO) TIẾP THEO

#	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
8	Sản phẩm từ biển	Đánh bắt	Biển cả	Tàu đăng kí + treo cờ
9	Sản phẩm từ biển trừ (7)	Chế biến /sản xuất	Trên tàu	
10	Vật phẩm vớt bỏ, nguyên liệu, tái chế	Thu nhặt	Lãnh thổ của một bên	
11	Sản phẩm	Thu được/ sản xuất	Lãnh thổ của một bên	Từ SP 1 – 10





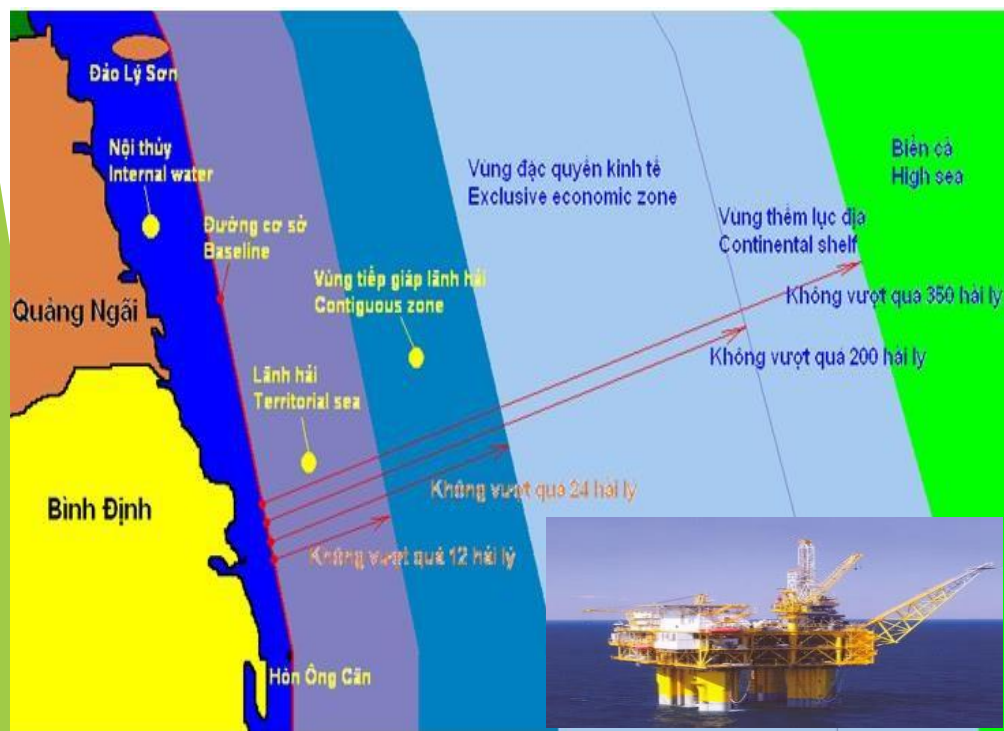
XUẤT XỨ THUẦN TÚY

Ví dụ 1: Lúa
được trồng và
thu hoạch ở
ĐB Sông
Cửu Long



Ví dụ 3: Dàn khoan khai thác dầu của Nga
tại vùng biển Vũng Tàu???

Ví dụ 2: Hải
sản được
đánh bắt tại
vùng biển
Phú Quốc



Ví dụ 4: Được NK một số con giống
thủy sản





MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

WO – Xuất xứ thuần túy

Từ một hoặc nhiều Nước thành viên

“WO-ASEAN”

Được sản xuất/ thu được toàn bộ trong phạm vi một Bên thành viên Hiệp định

- ▶ Việc sản xuất/ thu được hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ một Bên
- ▶ Không có bất kỳ một thành phần nào được phép nhập khẩu từ bên ngoài của Bên đó (WO-Viet Nam)

“WO-CPTPP”

Được sản xuất/ thu được toàn bộ trong phạm vi của ít nhất một Bên thành viên CPTPP”

- Có xuất xứ thuần túy/ được sản xuất hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của nhiều hơn một Bên thành viên CPTPP;
- Bất kỳ thành phần nào cũng phải đạt xuất xứ thuần túy; không có bất kỳ thành phần nào nói trên được phép nhập khẩu từ bên ngoài CPTPP (WO-CPTPP)



Wo



WO



WO



WO



WO-CPTPP



WO



WO



WO



Úc

Singapore



TRỊ GIÁ NGUYÊN LIỆU

- ▶ **Nhập khẩu** : Trị giá giao dịch + Chi phí vận tải, bảo hiểm
- ▶ **Mua trong nước** : Giá thanh toán
- ▶ **Tự sản xuất**: Chi phí sản xuất + Lợi nhuận tương đương

ĐIỀU CHỈNH THÊM TRỊ GIÁ NGUYÊN LIỆU

- ▶ Chi phí được khấu trừ hoặc cộng thêm vào nguyên liệu
 - ▶ Đóng gói, vận tải, bảo hiểm ... đến nhà máy
 - ▶ Thuế, phí ... Chi phí xử lý phế thải

Phải chứng minh khi điều chỉnh



HÀM LƯỢNG GIÁ TRỊ KHU VỰC

► Công thức tính gián tiếp

Trị giá
hàng hóa

-

Trị giá nguyên liệu
KHÔNG có XX

x 100%

Trị giá hàng hóa

⊙ Công thức tính trực tiếp

Trị giá nguyên liệu **CÓ XX**

x 100%

Trị giá hàng hóa



CÔNG THỨC TÍNH RVC

► Công thức tính giá trị tập trung

$$\frac{\text{Trị giá hàng hóa} - \text{Trị giá nguyên liệu KHÔNG có XX đặc trưng}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100\%$$

⊗ Công thức tính chi phí tịnh

$$\frac{\text{Chi phí TỊNH} - \text{Trị giá nguyên liệu KHÔNG có XX}}{\text{Chi phí TỊNH}} \times 100\%$$



KHÁC BIỆT KẾT QUẢ TÍNH RVC

► Kết quả tính RVC theo công thức

- $BU = NC$
- $BU/NC \sim 10\%$ so với BD
- $BU/NC \sim 20\%$ so với FV

8711.40 - 8711.90

CTH, ngoại trừ từ nhóm 87.14; hoặc RVC không thấp hơn:

- a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
- b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc
- c) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc
- d) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.11 và 87.14.



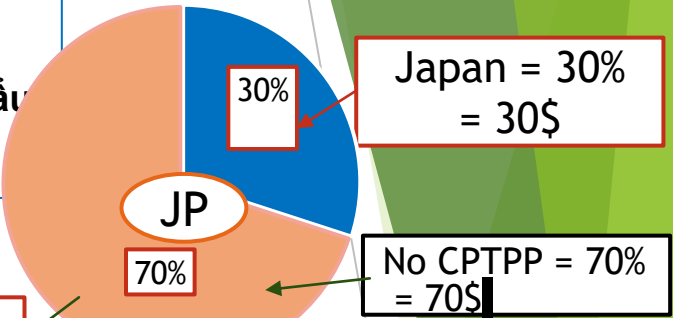
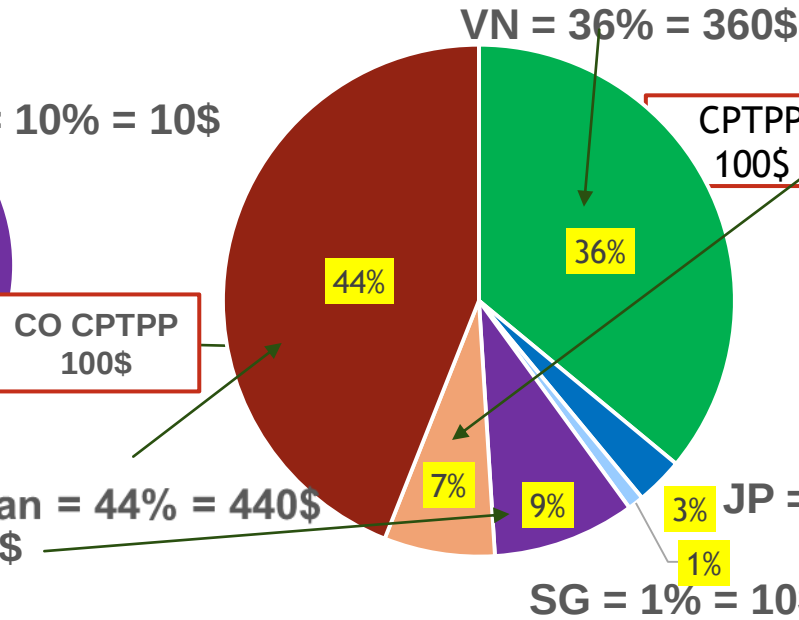
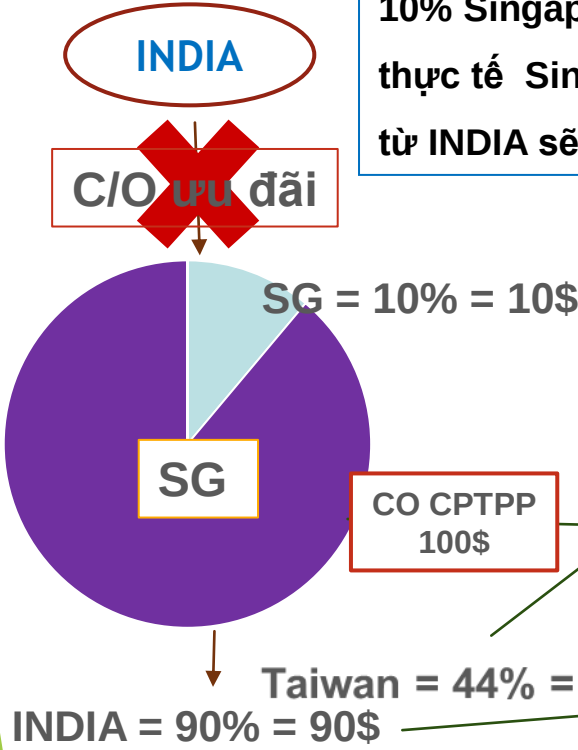
CỘNG GỘP TOÀN PHẦN

- ▶ **Khoản 2 Điều 9**
 - ▶ **Áp dụng với RVC**
 - ▶ **Trị giá gia tăng trong quá trình sản xuất**
 - ▶ **Trị giá của nguyên liệu có xuất xứ**
 - ▶ **Được cộng gộp, dù là tỷ lệ nhỏ nhất**



CỘNG GỘP TOÀN PHẦN TRONG CPTPP

10% Singapore chỉ được tính từ 10% giá trị thực tế Singapore tạo ra (90% giá trị nhập khẩu từ INDIA sẽ không được tính).




Form CPTPP
1000\$

30% Nhật Bản chỉ được tính từ 30% giá trị thực tế NB tạo ra (70% giá trị nhập khẩu từ từ ngoài CPTPP sẽ không được tính

Không XX

Taiwan = 44% = 440\$
No CPTPP = 7% = 70\$
India = 9% = 90\$

Có XX

VN = 36% = 360\$
JP = 3% = 30\$
SG = 1% = 10\$



Cộng gộp tạo thành RVC 40%



CỘNG GỘP CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT

Ví dụ đối với hàng dệt may:

- Cắt ở một nước thành viên (Japan)
- May ở một nước thành viên khác (Việt Nam)





HÀNG TÂN TRANG, TÁI CHẾ TẠO

a. Quy tắc xuất xứ hàng tái chế tạo, hàng tân trang

(*remanufactured vs. refurbished goods*):

- Cho phép sử dụng NPL thu được từ việc tháo dỡ hàng đã qua sử dụng
- xử lý, làm sạch
- đưa về điều kiện hoạt động tốt
- coi là NPL có xuất xứ (không cần đáp ứng PSR) nếu được dùng để lắp ráp, sản xuất hàng tân trang.





HÀNG TÂN TRANG, TÁI CHẾ TẠO



Tivi cũ, hỏng từ một
nước không phải thành
viên CPTPP

Tivi tân trang, tái chế tạo
có bảo hành từ nhà SX

Quy tắc xuất xứ cho Tivi: một số nguyên liệu đầu vào không
có xuất xứ từ CPTPP trải qua công đoạn tân trang, tái chế tạo
và sử dụng có bảo hành từ nhà SX sẽ có xuất xứ CPTPP.



b. QUY TẮC BỘ HÀNG HÓA: 10% TRỊ GIÁ KHÔNG CÓ XX





PHỤ LỤC III - NGOẠI LỆ ÁP DỤNG *DE MINIMIS*

Điều 14. *De Minimis*

+ 10% trị giá

Điều 29. *De Minimis* hàng dệt may

+ Sợi, vải (Chương 50 – 60): xơ, sợi không có xuất xứ $\leq 10\%$ trọng lượng sợi, vải

+ Quần áo may sẵn (Chương 61 – 63): xơ, sợi không có xuất xứ $\leq 10\%$ trọng lượng sợi, vải quyết định HS của quần áo

Ngoại lệ áp dụng cho:

- ▶ Sản phẩm sữa thuộc nhóm 0401 – 0406
- ▶ Nước ép hoa quả



THỦY SẢN (CHƯƠNG 3 VÀ CHƯƠNG 16)

Nuôi trồng thủy sản

- ▶ Cho phép NK trứng, ấu trùng, cá bột, cá giống, cá hồi con, hoặc cá chưa trưởng thành khác ở giai đoạn hậu ấu trùng

Thủy sản tươi hoặc đông lạnh (Chương 3)

- ▶ Tương tự các FTA ASEAN+



Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
0304.89	Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc sprattus (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0304.89: CC; Đối với cá cơm (cá trổng) (Engraulis spp.) thuộc phân nhóm 0304.89: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.89: CTH;



THỦY SẢN (Chương 3 và Chương 16)

- ▶ Thủy sản chế biến (Chương 16)
 - ▶ Hầu hết tương tự các FTA ASEAN+

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
1604.13	Đối với cá trích loài brachysoma (Deepbody sardinella), fimbriata (Fringescale sardinella), longiceps (Indian oil sardine), melanura (Blacktip sardinella), samarensis hoặc lemuru (Bali sardinella) hoặc cá trích xương (Goldstripe sardinella) thuộc phân nhóm 1604.13: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1604.13: CC, ngoại trừ từ Chương 3.
16.05	CC



GIÀY DÉP (Chương 64)

- ▶ **ASEAN+**
 - CTH, ngoại trừ 6406
- ▶ **AJ, VJ**
 - CC, CC + DMI
- ▶ **EU GSP**
 - CTH, ngoại trừ mũ giày đã gắn với đế thuộc 6406





QUY TẮC XUẤT XỬ CHO GIÀY DÉP TRONG CPTPP

HS 64.01

- Chuyển đổi chương: CC; CC + DMI hoặc
- CTH + RVC

- **CTH** : Ngoại trừ từ nhóm 64.02 đến 64.05, 64.06.10 hoặc cụm mũ giày, trừ từ gỗ, của phân nhóm 64.06.90 với điều kiện phải đáp ứng :

- **RVC 45%** theo phương pháp trực tiếp, hoặc
- **RVC 55%** theo phương pháp tính gián tiếp

• RVC sẽ giới hạn về việc sử dụng nguyên phụ liệu như da, vải ... nhập khẩu từ ngoài các nước CPTPP.



Quy tắc xuất xứ cho ngành cao su trong CPTPP

Quy tắc xuất xứ cho cao su và các sản phẩm bằng cao su

1. Sản phẩm nhóm 40.01: cao su thiên nhiên

- Chuyển đổi nhóm: CTH, hoặc
- RVC: Không thấp hơn 40% theo cách tính gián tiếp

2. Sản phẩm nhóm từ 40.02 đến 40.17: cao su - sản phẩm cao su

- Chuyển đổi nhóm: CTH.



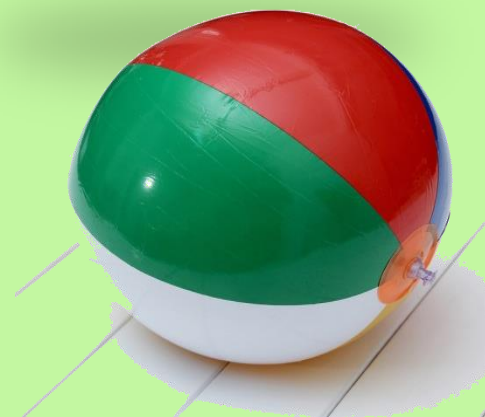
Quy tắc xuất xứ cho các SP bằng cao su (*tiếp theo*)

HS 94.04.21 : Nệm gối cao su : **CTH**



HS 95.06.62 : Bóng bơm hơi : **CTH** hoặc,
RVC : Không thấp hơn:

35% Cách tính trực tiếp, hoặc
45% Cách tính gián tiếp, hoặc
55% Cách tính tập trung





Quy tắc cho gỗ và các mặt hàng bằng gỗ

Sản phẩm từ nhóm 44.01 đến 44.21 : CTH

HS 94.03.30, HS 94.03.40: Đồ nội thất bằng gỗ cao su : CTH, hoặc

RVC : Không thấp hơn:

35% Cách tính trực tiếp, hoặc

45% Cách tính gián tiếp, hoặc

55% Cách tính tập trung





Chương 85. Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên

8501.10	CTH, ngoại trừ từ xtato hoặc rôto thuộc nhóm 85.03: hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung của nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.01 và xtato hoặc rôto thuộc nhóm 85.03.
8501.20 - 8501.64	CTH
85.02 - 85.03	CTH
85.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.04.
8505.11 - 8505.20	CTSH





GỖ VÀ CÁC MẶT HÀNG BẰNG GỖ; THAN TỪ GỖ; LIE VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIE; CÁC SẢN PHẨM TỪ RƠM, CỎ GIẤY HOẶC CÁC VẬT LIỆU TẾT BỆN KHÁC; CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIỄU GAI VÀ SONG MÂY

Chương 44. Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ

44.01 - 44.21 CTH

Chương 45. Lie và các sản phẩm bằng lie

45.01 - 45.04 CTH

Chương 46. Sản phẩm làm từ rơm, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây

46.01 CC

46.02 CTH





PHẦN XIII

SẢN PHẨM BẰNG ĐÁ, THẠCH CAO, XI MĂNG, AMIĂNG, MICA HOẶC CÁC VẬT LIỆU TƯƠNG TỰ; ĐỒ GỐM; THỦY TINH VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG THỦY TINH

Chương 68. Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự

68.01 - 68.11	CTH
---------------	-----

6812.80 - 6812.99	CTSH
-------------------	------

68.13 - 68.15	CTH
---------------	-----

Chương 69. Đồ gốm, sứ

69.01 - 69.14	CC
---------------	----





từ rơm, cỏ giấy
bện khác; các
song mây 46.01

QUY TẮC XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG DỆT MAY

Nguyên tắc về công đoạn sản xuất

SẢN PHẨM	NGUYÊN TẮC CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT			
	Tạo xơ Xe sợi	Dệt kim Dệt thoi	Hoàn thiện vải	Cắt may
Xơ, sợi				
Vải mộc				
Vải đã hoàn thiện				
Quần áo may sẵn				



CPTPP- Một số linh hoạt với dệt may

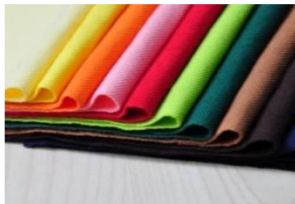
03 nhóm được áp dụng quy tắc cắt may: CC

+ Valy, túi xách: HS 42.12, 42.22, 42.32, 42.92

+ Áo ngực phụ nữ : HS 62.12.10

+ Quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp: HS 61.11.30, 62.09.30

CC, với điều kiện phải cắt, may, khâu tại nước thành viên.
(nguyên liệu có thể nhập khẩu từ bất kỳ đâu).



Có thể nhập
bất kỳ đâu



Cắt & May tại VN



CPTPP – Hàng dệt may

Nguồn cung thiếu hụt:

+ 187 loại vải, sợi không có sẵn trong CPTPP :

- 8 mã tạm thời 5 năm, và
- 179 mã vĩnh viễn

Có thể NK từ ngoài khối, sau đó cắt may thành sản phẩm

Áp dụng cho đầu ra là một số sản phẩm của Chương 61, 62



DANH MỤC NGUỒN CUNG THIẾU HỤT

Sợi, vải NK từ các nước
ngoài khối CPTPP



May thành
quần áo
tại nước CPTPP
bất kỳ



Hưởng
thuế suất
ưu đãi
CPTPP



Danh mục nguồn cung thiếu
hụt gồm 187 loại sợi, vải
trong đó:

- 179 mặt hàng áp dụng vĩnh viễn,
- 8 mặt hàng chỉ áp dụng trong 5 năm)

Theo số liệu thống kê,
nguồn vải nhập khẩu trong
khu vực CPTPP hiện chỉ
chiếm khoảng 1,5% tổng
kim ngạch nhập khẩu vải
của Việt Nam



CẤU TRÚC DANH MỤC NGUỒN CUNG THIẾU HỤT

**Số thứ tự
nguyên phụ liệu**



Số 92

**Mô tả
nguyên phụ liệu
(kèm mã HS)**



Vải liên kết (bonded fabric), được phân loại
tại nhóm 6001

Chi tiết kỹ thuật



bề mặt trên dệt thoi phẳng chứa 82-88% ni
lông, 12-18% sợi đàn hồi, và mặt dưới là vải
lông đã chải có tỷ trọng polyeste 100%, trọng
lượng 254-326g/m², có tính năng chống
nước, cụ thể, nếu kiểm tra theo phương
pháp AATCC (Hiệp hội hoá học và dệt nhuộm
Hoa Kỳ) số 35, sau 2 phút ngâm nước dưới
áp suất 600mm, lượng nước thấm ít hơn 1.0
gram.

Đầu ra (end use)



Quần áo nam và nữ chịu nước phân loại tại
chương 61



Phụ lục VIII-DANH MỤC NGUỒN CUNG THIẾU HỤT (SSL)

1. Danh mục tạm thời:

TT	Mô tả nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu sản phẩm đầu ra
3	Vải dệt thoi chéo 100% ni lông thuộc nhóm 54.07, chỉ số sợi 70 x 160 denier, 155 x 90 sợi/inch vuông, trọng lượng 115 g/m ²	Quần dài nam, trừ loại chống thấm nước, thuộc phân nhóm 6203.43

2. Danh mục cố định:

TT	Mô tả nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu sản phẩm đầu ra
16	Vải thuộc Chương 55, trọng lượng không quá 340 g/m ² , chứa không quá 15% len lông cừu, len angora (mohair), Kashmir hoặc lông lạc đà và không dưới 15% xơ sợi staple nhân tạo	Quần áo thuộc Chương 62



CPTPP – Hàng dệt may

Nguyên tắc 3 công đoạn



①

**Tạo xơ,
xe sợi tại
Việt Nam**



②

**Dệt và
hoàn thiện vải**



③

Cắt may





Phụ lục VII – PSR HÀNG DỆT MAY

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 52. Bông	
52.09	CTH, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.05 đến 52.08, 52.10 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08 hoặc 55.09 đến 55.16.
Chương 62. Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	
62.01 - 62.08	CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, 55.08 đến 55.16, 58.01 đến 58.02 hoặc 60.01 đến 60.06, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.



Ví dụ:

- * Hàng hóa: áo dệt kim mã HS 6110.20 và 6109.10
- * Về nguyên liệu: Công ty nhập khẩu xơ bông từ ngoài khối CPTPP để sản xuất sợi và dệt vải (mã HS 6006.22) trước khi may thành áo dệt kim nêu trên.

Quy tắc xuất xứ đối với áo dệt kim mã HS 6109 và 6110:

61.01 - 61.09	CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, 55.08 đến 55.16, 56.06 hoặc 60.01 đến 60.06, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.
6110.20	CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, 55.08 đến 55.16 hoặc 60.01 đến 60.06 , với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.

Quy tắc xuất xứ đối với vải dệt kim mã HS 6006.22:

60.02 - 60.06	CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, Chương 52 , nhóm 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, Chương 55 hoặc nhóm 56.06.
---------------	---



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

Quy tắc xuất xứ đối với sợi cotton:

52.04 - 52.07	CC, ngoại trừ từ nhóm 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5405.00, hoặc nhóm 55.01 đến 55.07.
---------------	---

3. Để diễn giải Quy tắc PSR đối với hàng dệt may trong Phụ lục VII Thông tư 03/2019/TT-BCT:

a) Quy tắc cụ thể mặt hàng, hoặc bộ quy tắc cụ thể mặt hàng, áp dụng cho một nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm được ghi ở cột bên cạnh nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm đó;

b) Các chú giải Phần, Chương hoặc Nhóm, nếu áp dụng, được ghi ở đầu mỗi Phần hoặc Chương, và được áp dụng cùng Quy tắc cụ thể mặt hàng và có thể có thêm các điều kiện hoặc đưa ra quy tắc thay thế cho Quy tắc cụ thể mặt hàng;

c) Quy tắc chuyển đổi HS (CC, CTH hoặc CTSN) chỉ áp dụng cho NL không có XXứ

d) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định loại trừ một số nguyên liệu trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, quy định này được hiểu là nguyên liệu bị loại trừ phải có xuất xứ để hàng hóa có xuất xứ.

Như vậy, để sản phẩm áo dệt kim mã HS 6109 và 6110 có xuất xứ và được xem xét cấp C/O mẫu CPTPP:

-Vải dệt kim mã HS 6006 phải có xuất xứ CPTPP

-Để vải dệt kim mã HS 6006 có xuất xứ CPTPP, sợi cotton (Chương 52) phải được se tại Việt Nam, đáp ứng 01 công đoạn tại Việt Nam.

-Trường hợp Công ty sản xuất vải dệt kim từ sợi cotton mã HS 5204 – 5207, sợi này được xe tại Việt Nam từ xơ bông (HS 5201 – 5202), không cần quan tâm có xuất xứ trong khối CPTPP hay không.

Do đó sản phẩm HS 6110.20 và 6109.10 có xuất xứ theo CPTPP.



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8101/BCT-XNK

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019

V/v hướng dẫn cấp C/O mẫu CPTPP

Kính gửi: Các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O mẫu CPTPP

Thời gian gần đây, Bộ Công Thương nhận được phản ánh của doanh nghiệp liên quan đến việc thực thi quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP. Đối với nội dung này, Bộ Công Thương thông báo tới các cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp C/O mẫu CPTPP (sau đây gọi là các cơ quan, tổ chức cấp C/O) như sau:

1. Lời văn chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu, nhà sản xuất

Hiện nay, cơ quan hải quan một số nước thành viên CPTPP (như Ca-na-đa, Mê-xi-cô) yêu cầu nhà xuất khẩu của Việt Nam bổ sung lời văn chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Mục 9, Phụ lục 3-B của Hiệp định CPTPP trên C/O mẫu CPTPP của Việt Nam.

Để tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu và tận dụng hiệu quả ưu đãi từ Hiệp định CPTPP, trường hợp thương nhân xuất khẩu đề nghị được bổ sung nội dung lời văn chứng nhận xuất xứ trên C/O mẫu CPTPP, các cơ quan, tổ chức cấp C/O hướng dẫn thương nhân xuất khẩu **kê khai nội dung này tại Ô số 7 (Mô tả hàng hóa) hoặc Ô số 11 (Khai báo của nhà xuất khẩu) của C/O**, cụ thể như sau:

"I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification."

2. Cấp C/O mẫu CPTPP cho hàng dệt may

Đối với sản phẩm dệt may có tiêu chí xuất xứ PSR là **"CTC loại trừ một số nguyên liệu như sợi và vải [...]"**, trong trường hợp các nguyên liệu bị loại trừ không đáp ứng tiêu chí PSR của sản phẩm cuối cùng, Bộ Công Thương đề nghị các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP cho sản phẩm đó trên các cơ sở sau:



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

a) Nguyên tắc áp dụng

(i) Toàn bộ quy trình sản xuất từ xơ không xuất xứ → sợi → vải → sản phẩm dệt may diễn ra hoàn toàn tại Việt Nam;

(ii) Áp dụng quy tắc “Cộng gộp” tại điểm 3, Điều 3.10, Chương 3 của Hiệp định CPTPP (được nội luật hóa tại khoản 3, Điều 13 của Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019);

(iii) Nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng đầu tiên trong quá trình sản xuất không thuộc nhóm nguyên liệu bị loại trừ trong tiêu chí PSR của sản phẩm cuối cùng, đảm bảo nguyên tắc “từ sợi trở đi” (yarn forward);

(iv) Nguyên liệu trung gian trong quá trình sản xuất thuộc nhóm nguyên liệu bị loại trừ trong tiêu chí PSR của sản phẩm cuối cùng do (1) thương nhân tự sản xuất hoặc (2) mua của công ty sản xuất trong nước. Trong trường hợp (2), thương nhân cần chứng minh được quá trình sản xuất của các công ty này đáp ứng nguyên tắc (iii);

(v) Đáp ứng đồng thời các tiêu chí khác tại PSR của sản phẩm cuối cùng và quy định khác về quy tắc xuất xứ theo Hiệp định (ví dụ: các chú giải của Chương dệt may tại Danh mục quy tắc cụ thể mặt hàng).

b) Chứng từ chứng minh

Ngoài quy định về chứng từ trong bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, thương nhân xuất khẩu cần chứng minh việc đáp ứng các nguyên tắc được đề cập ở trên. Một số chứng từ có thể dùng để chứng minh như:

- Quy trình sản xuất từ xơ không có xuất xứ → sợi → vải → sản phẩm dệt may diễn ra tại Việt Nam;

- Bảng định mức cho từng công đoạn sản xuất, từng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cuối cùng (chi tiết theo từng lô hàng đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP);

- Bản cam kết của thương nhân đáp ứng các nguyên tắc nêu tại điểm a),...

Thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP trong trường hợp này phải đảm bảo việc công ty sản xuất nguyên liệu trung gian trong nước cung cấp



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

chứng từ chứng minh và phối hợp thực hiện xác minh khi có yêu cầu kiểm tra xác minh từ cơ quan có thẩm quyền.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, điện thoại: (024) 2220.5444 hoặc (024) 2220.5361, email: co@moit.gov.vn hoặc xnk-xxhh@moit.gov.vn.

Bộ Công Thương thông báo để các cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh
Trần Quốc Khánh



CPTPP – THỎA THUẬN VỚI MEXICO

TT 07/2019/TT-BCT có hiệu lực 20/06/2019

- Danh mục hàng dệt may có hạn ngạch
- Hạn ngạch thuế quan
- Nguyên tắc điều hành và
- Hệ thống giám sát hàng dệt may XK sang MEXICO theo CPTPP

Thông tư bao gồm:

- 5 Chương
- 12 Điều,
- 5 Phụ lục



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC HÀNG DỆT MAY ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN
XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ THEO QUY ĐỊNH CỦA MÊ-HI-CÔ**

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng năm 2019
01	Sợi phân loại ở nhóm 5202 đến 5207, 5508, 5509, 5511 và vải phân loại ở Chương 60 và sản phẩm phân loại ở Chương 58, nhóm 5902 và 5910 được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu có số thứ tự 2 và 3 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Kg	250.000
02	Quần áo dệt kim phân loại ở Chương 61 tại cột Yêu cầu đầu ra số thứ tự 1, 4, 7 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu được nêu trong cột mô tả của các số trên trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Chiếc	2.500.000
03	Quần áo dệt thoi phân loại ở Chương 62 tại cột Yêu cầu đầu ra tại số thứ tự 5 và 6 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên phụ liệu được nêu tại cột mô tả của các số trên của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Chiếc	750.000
04	Hàng dệt may thuộc các mã HS 6111.30, 6209.30 và tã trẻ em làm từ sợi tổng hợp thuộc mã HS 9619	Chiếc	50.000



CPTPP – THỎA THUẬN VỚI MEXICO

**Điều kiện để được
hưởng ưu đãi thuế quan**

C/O CPTPP

CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU
(Certificate of Eligibility)

**Chỉ những mặt hàng nằm trong hạn
ngạch thuế quan mới cần chứng thư**



CPTPP – THỎA THUẬN VỚI MEXICO

**PHẢI
ĐÁP
ỨNG
MỘT
TRON
G
CÁC
QUY
TẮC
XUẤT
XỨ**

a.Theo hạn ngạch
Tại số thứ tự 01, 02, 03 Phụ lục I TT 03
Sử dụng NL trong danh mục nguồn
cung thiếu hụt quy định tại PL II

Được
miễn
thuế
NK vào
Mexico

b.Ngoài hạn ngạch tại số thứ tự 01, 02,
03 Phụ lục I TT 03

c.Theo hạn ngạch tại số thứ tự 04
Phụ lục I TT03

d.Ngoài hạn ngạch tại số thứ tự 04
Phụ lục I TT03

Hưởng
thuế
xuất
NK của
Mexico
theo
CPTP
P



CPTPP – THỎA THUẬN VỚI MEXICO

Cấp Chứng thư CE

- Theo từng lô xuất khẩu thực tế

- Cấp cùng C/O

**CƠ QUAN CẤP C/O CPTPP
VÀ
CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU**

- 19 PHÒNG QUẢN LÝ XNK KHU VỰC
- SỞ CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG



NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH HẠNG NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT HÀNG HÀNG DỆT MAY SANG MEXICO

Cấp
chứng
thư:
điểm a, c
khoản 3,
điều 4.
Có giá trị
trong năm

Chứng
thư
được cấp
tự động

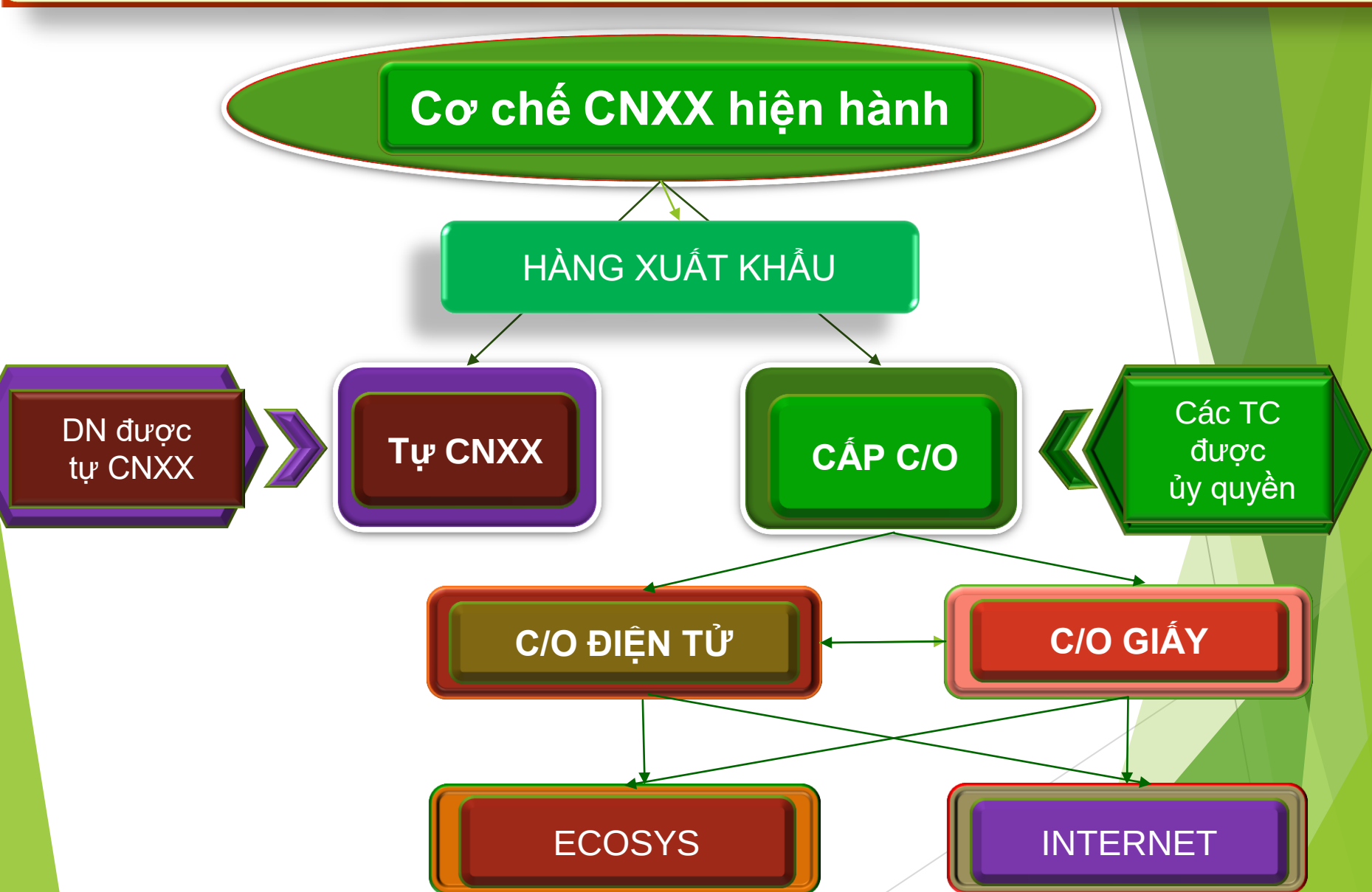
Trừ
lùi

Bộ Công
Thương
công bố
công khai số
lượng, khối
hạng ngạch

Thương
nhân nộp
hồ sơ đăng
ký Chứng
thư xuất
khẩu sang
Me hi co

Hệ thống điện tử Ecosys

THỦ TỤC CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ C/O





CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ TRONG CPTPP

- ▶ **Cấp C/O giấy**

Mẫu C/O CPTPP (*tham khảo eCoSys*)

- ▶ **Nhà XK tự chứng nhận**

Trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực

- ▶ **Nhà NK tự chứng nhận**

Xem xét sau 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực



CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

► **Thông tin tối thiểu**

- Người/Tổ chức chứng nhận xuất xứ
- Người XK, Nhà SX, Người NK
- Địa chỉ đầy đủ
- E-mail, số điện thoại
- Mô tả hàng hóa kèm mã HS (ở cấp 6 số)
- Tiêu chí xuất xứ



**Chứng
nhận
xuất xứ**

(a) Từng lô hàng vào lãnh thổ của một Bên;
hoặc

(b) Nhiều lô hàng của hàng hóa tương tự
nhau trong khoảng thời gian được ghi trên
chứng nhận xuất xứ

Có hiệu lực trong một năm kể từ ngày ban hành hoặc
trong khoảng thời hạn dài hơn theo pháp luật và
quy định của Bên nhập khẩu.

Bằng tiếng Anh, hoặc
Bản dịch sang ngôn ngữ của Bên nhập khẩu.

không
quá
12
tháng



HÓA ĐƠN NƯỚC THỨ 3

Non - Party Invoicing

Là hóa đơn nước thứ ba được phát hành bởi một công ty ở nước thứ ba không phải là thành viên của CPTPP

Non- Party Invoicing by ...
(Tên và nước của công ty
phát hành hóa đơn nước
thứ ba)
Ô 7

Số, ngày của
Hóa đơn nước thứ
ba Ô 10



Phụ lục IV/V – MẪU C/O VÀ TK BỔ SUNG

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN <i>(Combined declaration and certificate)</i> FORM CPTPP <i>Issued in Viet Nam</i>		
3. Means of transport and route (as far as known)				
		4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy		
		5. Producer (name, address, country)		
6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in <i>(Country of Origin)</i> and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to <i>(Importing Country)</i> <i>(Place and date, signature of authorized signatory)</i>		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. <i>(Place and date, signature and stamp of certifying authority)</i>		

ADDITIONAL PAGE(S) OF CERTIFICATE OF ORIGIN FORM CPTPP

Reference No. Page /

6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in <i>(Country of Origin)</i> and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to <i>(Importing Country)</i> <i>(Place and date, signature of authorized signatory)</i>				
12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. <i>(Place and date, signature and stamp of certifying authority)</i>				



Phụ lục VI – HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate)			
		FORM CPTPP Issued in Viet Nam			
3. Means of transport and route (as far as known)		4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy			
5. Producer (name, address, country)		6. Item No.			
7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)		8. Origin criterion		9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)			

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)

ABC TRADING CO., LTD.
10 Nguyen Hue Str.Ward ..., Dist.1,
HCMC, Vietnam
Tel: 84.028.....; Email:.....

2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)

JOE'S TRADER JSC
163 Duke Street, Halifax NS B3J 3J6
Canada

3. Means of transport and route (as far as known)

By sea from port of HCMC To Halifax
Date of Shipment: .../.../2019
Vessel Name: Wanhai v123

Multiple shipments
Date of fist shipment:18/03/2019
Date of expiry: 31/12/2019



Phụ lục VI – HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.	
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM CPTPP Issued in Viet Nam	
3. Means of transport and route (as far as known)		4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy	
6. Item No.		7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion
			9. Quantity of goods
			10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)	

4. For official use

- ☐ Non-Party Invoicing
☐ Certified True Copy

5. Producer (name, address, country)

NHABE GARMENT CORPORATION
4 NVL Str, District 7, HCMC, Vietnam
Tel: 84.028.....; Email:.....

5. Producer (name, address, country)

“Various” hoặc “Attached List” hoặc
“Available upon request by the
importing authorities”



Phụ lục VI – HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O

7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)

MEN JACKET (HS 6201.12)

#PO No. 1234

Q'TY: 567 CTNS

FABRIC OF HS 5209.43 ORIGINATING FROM JAPAN

Hoặc FABRIC FROM NO. 18 of SSL

8. Origin criterion

CC/CTH/CTSH

RVC 35% BU

RVC 35% NC

RVC 45% BD

RVC 55% FV

OTHER

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification.



CƠ CHẾ XÁC MINH XUẤT XỨ

- FTAs đã ký: G to G
- CPTPP: G to B
- VN đã đàm phán được G to B kèm điều kiện phải thông báo cho CQ có thẩm quyền của nước thành viên nơi DN XK bị xác minh.



PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA, XÁC MINH

**Theo
phương
thức**

Kiểm tra hồ sơ,
chứng từ CNXXHH

Kiểm tra, xác minh
@ cơ sở sản xuất



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Chứng từ để có thể cộng gộp:

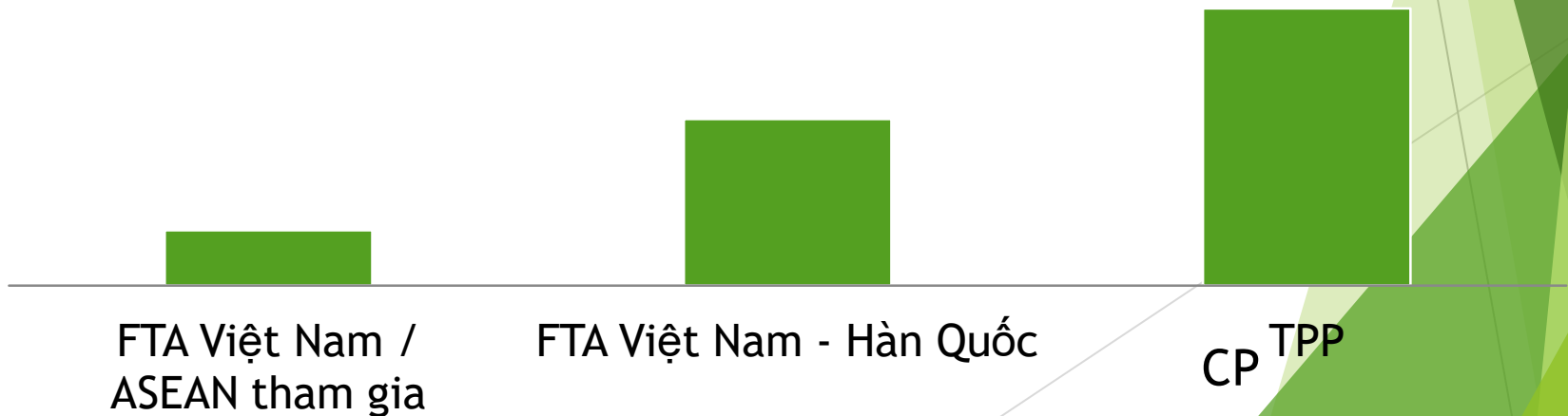
- + C/O Form CPTPP**
- + C/O form khác từ các nước thành viên**
- + Người XK tự chứng nhận xuất xứ**
- + Chứng từ khác: Invoice ...**



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Ngưỡng miễn C/O:

- + Hầu hết các FTA Việt Nam/ ASEAN tham gia: 200\$
- + FTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc: 600\$
- + CPTPP: 1,000\$





MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Hiệu lực

- + Hiệu lực của Hiệp định CPTPP tại Việt Nam: 14/01/2019
- + Hiệu lực của Thông tư 03/2019/TT-BCT: 08/03/2019
- + Hiệu lực của Thông tư 07/2019/TT-BCT: 20/06/2019
- + **CV 8101/BCT ngày 25/10/2019**

Áp dụng đồng thời các văn bản khác:

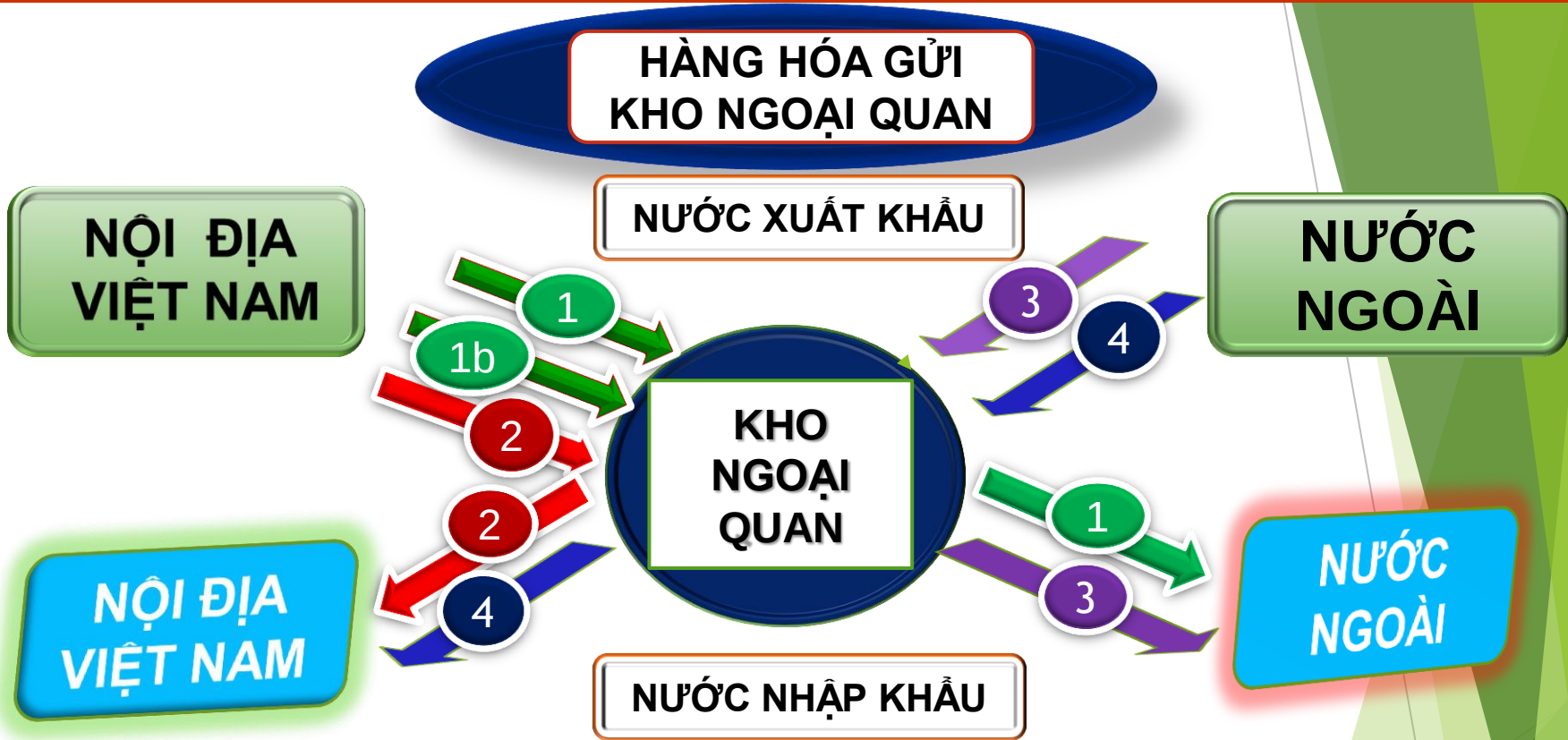
- + NĐ 31/2018/NĐ-CP; + Thông tư 05/2018/TT-BCT

Nhập khẩu

TT62/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính

Tận dụng các quy định về điều chỉnh chi phí

- + Chi phí xử lý phế thải



1 **C/O**

Điều 15, khoản 5,
NĐ 31/2018/NĐ-CP

2 **KHÔNG CẤP C/O**

1b **C/O**

Điều 15, khoản 6,
NĐ 31/2018/NĐ-CP

4 **TRỪ LÌ C/O**

3 **C/O GIÁP LƯNG**

Điều 20
NĐ 31/2018/NĐ-CP

Điều 23,
TT 38/2018/TT-BTC



Đ35, ND 08/2015

**C/O
ĐỐI VỚI
LOẠI
HÌNH
XUẤT
NHẬP
KHẨU
TẠI
CHỖ**



a.HH đặt gia công tại VN và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại VN.

b.HH mua bán giữa DN nội địa với DN chế xuất, DN trong khu chế xuất, DN trong khu phi thuế quan.



c.HH mua bán giữa DN VN với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại VN được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận HH với DN khác tại Việt Nam.

b. Được cấp C/O và hưởng thuế ưu đãi đặc biệt
Luật thuế XK, thuế NK 2016; Các ND của CP về thuế NK ưu đãi đặc biệt;
Khoản 6, điều 15, ND31/2018/ND-CP



Hỏi vs Đáp

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU - BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Xuất xứ hàng hóa

54 Hai Bà Trưng, Hà Nội / Tel.: 024.2220 2468 hoặc 2220 5444

E-mail: co@moit.gov.vn

Phòng quản lý Xuất Nhập khẩu khu vực TP.Hồ Chí Minh

12 Nguyễn Thị Minh Khai, p.Đa Kao, q.1, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 028.39151432/6/8; Email: xnktphochiminh@moit.gov.vn

Xin cảm ơn !